

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BYT-CNTT
V/v đơn đốc việc bổ sung, xác thực thông tin tiêm chủng COVID-19 phục vụ kết nối với CSDL Quốc gia về dân cư

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án 06). Căn cứ theo hướng dẫn quy trình xác thực thông tin người dân trên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19 ban hành tại Công văn số 9438/BYT-CNTT ngày 05 tháng 11 năm 2021, kết quả thực hiện đến ngày 23/3/2022 cụ thể như sau:

- Còn 18.950.073 đối tượng tiêm chủng đã gửi được dữ liệu sang xác thực nhưng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư báo sai thông tin (họ tên, ngày sinh và các thông tin khác).

- Số đối tượng tiêm chủng chưa gửi được dữ liệu sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do thiếu thông tin hoặc sai định dạng CCCD/CMND là 19.358.800.

(chi tiết số liệu theo tỉnh, thành phố tại Phục lục đính kèm công văn này).

Bộ Y tế trân trọng đề nghị UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo Sở Y tế chủ trì truy xuất dữ liệu chi tiết trên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19 về các đối tượng tiêm nêu trên; Chỉ đạo Công an tỉnh phối hợp với Sở Y tế để xác thực, bổ sung thông tin sai lệch, còn thiếu.

2. Chỉ đạo Sở Y tế chủ trì nhập liệu các thông tin đã được xác thực, bổ sung lên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19 để phục vụ kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Các nội dung trên đề nghị hoàn thành **trước ngày 31/3/2022** và báo cáo kết quả về Bộ Y tế (qua Cục Công nghệ thông tin) để tổng hợp báo cáo Tổ công tác Đề án 06 của Chính phủ và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình triển khai, đề nghị các đơn vị liên hệ với Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội các tỉnh, thành phố để được hỗ trợ kỹ

thuật. Nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị gửi phản ánh về Bộ Y tế để kịp thời giải quyết.

Thông tin cán bộ đầu mối hỗ trợ của Bộ Y tế: Đ/c Nguyễn Bá Hùng, Cục Công nghệ thông tin, Bộ Y tế; điện thoại: 0915.211.112, email: hungnb.cntt@moh.gov.vn

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ Công an, Bộ TTTT (để phối hợp chỉ đạo);
- Tập đoàn Viettel (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Thuấn

PHỤ LỤC**Số liệu đối tượng được tiêm chủng COVID-19 chưa gửi sang CSDLQGDC
do lỗi CCCD/CMND và dữ liệu đã gửi thành công nhưng hệ thống
CSDLQG dân cư báo sai***(Kèm theo Công văn số /BYT-CNTT ngày tháng năm 2022 của Bộ Y tế)*

STT	Tên tỉnh/ Thành phố	Số liệu đối tượng chưa gửi sang CSDLQG DC do lỗi về CCCD/CMND	Dữ liệu đã gửi CSDLQGDC thành công nhưng hệ thống CSDLQG DC báo sai (sai họ tên, ngày sinh và các thông tin khác)
	TỔNG CỘNG	19.358.800	18.950.073
1	Tỉnh Kiên Giang	120.094	678.889
2	Tỉnh Kon Tum	65.726	133.886
3	Tỉnh Vĩnh Long	104.958	255.369
4	Tỉnh Sóc Trăng	250.570	447.714
5	Tỉnh Đắk Nông	37.612	173.860
6	Tỉnh An Giang	148.212	829.732
7	Tỉnh Quảng Nam	86.710	230.399
8	Tỉnh Lai Châu	65.006	124.483
9	Tỉnh Hà Giang	242.516	146.908
10	Tỉnh Bình Thuận	114.998	306.543
11	Tỉnh Đắk Lắk	146.050	347.889
12	Tỉnh Thanh Hóa	153.608	441.878
13	Tỉnh Phú Thọ	152.964	154.784
14	Tỉnh Tiền Giang	85.304	602.431
15	Tỉnh Quảng Bình	192.310	114.512
16	Tỉnh Yên Bái	58.092	104.769
17	Tỉnh Thái Bình	164.548	206.837
18	Thành phố Đà Nẵng	52.522	215.674
19	Tỉnh Thái Nguyên	78.936	163.592
20	Tỉnh Bến Tre	161.422	462.712

21	Tỉnh Trà Vinh	163.086	251.727
22	Tỉnh Hòa Bình	191.080	118.487
23	Tỉnh Bạc Liêu	85.206	245.597
24	Tỉnh Ninh Thuận	45.258	112.763
25	Tỉnh Sơn La	83.744	177.966
26	Tỉnh Nghệ An	414.306	411.555
27	Tỉnh Nam Định	68.746	203.325
28	Tỉnh Cà Mau	102.518	494.025
29	Tỉnh Bình Phước	211.278	212.568
30	Tỉnh Gia Lai	35.792	341.739
31	Tỉnh Hải Dương	113.804	217.506
32	Tỉnh Tuyên Quang	277.344	90.821
33	Tỉnh Hà Tĩnh	261.948	132.511
34	Tỉnh Lạng Sơn	195.804	76.248
35	Thành phố Cần Thơ	99.512	338.601
36	Tỉnh Bắc Kạn	65.878	39.252
37	Tỉnh Phú Yên	138.578	172.272
38	Tỉnh Điện Biên	99.390	79.295
39	Tỉnh Bắc Ninh	206.864	270.387
40	Tỉnh Lào Cai	32.532	112.841
41	Tỉnh Tây Ninh	84.552	264.307
42	Tỉnh Thừa Thiên Huế	93.918	179.390
43	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	161.012	329.813
44	Tỉnh Quảng Ngãi	115.580	187.044
45	Tỉnh Cao Bằng	66.282	64.123
46	Tỉnh Quảng Ninh	403.728	197.168
47	Tỉnh Hưng Yên	199.570	98.460
48	Tỉnh Long An	589.242	405.894
49	Tỉnh Bình Định	77.074	336.174
50	Tỉnh Bình Dương	647.592	1.134.728
51	Tỉnh Bắc Giang	538.486	292.900
52	Tỉnh Quảng Trị	114.244	94.222
53	Thành phố Hồ Chí Minh	5.955.016	1.559.650

54	Tỉnh Khánh Hòa	99.780	273.854
55	Tỉnh Ninh Bình	153.898	112.837
56	Tỉnh Đồng Nai	299.010	874.475
57	Tỉnh Lâm Đồng	63.880	294.550
58	Tỉnh Đồng Tháp	372.206	568.557
59	Tỉnh Vĩnh Phúc	406.448	122.489
60	Thành phố Hà Nội	2.946.796	764.396
61	Thành phố Hải Phòng	254.412	213.324
62	Tỉnh Hà Nam	78.238	109.831
63	Tỉnh Hậu Giang	263.010	229.540

hungnb.cuit-
Ninh Binh
2023/09/13:52